

# VẤN ĐỀ GIỚI TRONG QUYẾT ĐỊNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG HỘ Ở HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HOÀ BÌNH

## Gender balance in decision making of farm household economic development in Luong Son district, Hoa Binh province

*Bùi Thị Gia*<sup>1</sup>

### SUMMARY

A case study involving 41 farm households was conducted to examine the contribution of men and women in making decision on production, credit, cash expense and family assets in the farm households and to make the recommendations for the gender-oriented extension in Luong Son district, Hoa Binh Province, Vietnam. It was found that women participated considerably in making decision on issues related to farming and living activities, indicating their significant role in income generation and household's economic development. In order to improve the decision making capacity for women and to promote economic development, qualification of not only technical know-how but also economic and management knowledge through extension programs is necessary.

**Key words:** gender issues, decision making, production, credit, money spend, holding valuable assets

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xã hội văn minh phát triển, phạm trù giới luôn được đề cập đến trong mọi chương trình phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Các lĩnh vực kinh tế xã hội ở khu vực nông thôn bao giờ cũng kém phát triển hơn khu vực thành thị, do vậy trong các chương trình nghiên cứu nông nghiệp, nông thôn và nghiên cứu kinh tế hộ thì vấn đề giới càng đặc biệt được coi trọng. Ở Việt Nam phụ nữ nông thôn chiếm 53% lao động nông nghiệp và gần 80% phụ nữ cả nước (Lê Thị Vinh Thi, 1998), họ tham gia và đóng góp vào nhiều hoạt động sản xuất cũng như các lĩnh vực của cuộc sống với nhiều cách khác nhau, nhưng những nghiên cứu về vấn đề này còn tương đối ít, đặc biệt là nghiên cứu về giới trong quyết định sản xuất và các công việc khác trong gia đình. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề cập đến mức độ tham gia của phụ nữ và nam giới trong quyết định các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế và đời sống của nông hộ, trên cơ sở đó góp phần đề xuất những vấn đề liên quan đến khuyến nông có chú ý vấn đề giới

### 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được tiến hành tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đề tài đã chọn xã Tân Vinh, đại diện cho vùng trung tâm huyện có điều kiện tiếp cận thị trường thuận lợi, và xã Đông Xuân, đại diện cho vùng phía Bắc có điều kiện địa hình đồi núi, điều kiện sản xuất, giao thông và đời sống khó khăn. Nghiên cứu đã chọn 41 hộ để điều tra theo phương pháp phỏng vấn trực tiếp với mẫu câu hỏi soạn thảo trước, trong đó 8 hộ chủ hộ là nữ, 33 hộ chủ hộ là nam, một số hộ có tiếp cận khuyến nông và một số hộ chưa tiếp cận khuyến nông. Ngoài ra chúng tôi còn trao đổi ý kiến với cán bộ chủ chốt, trưởng trạm khuyến nông huyện Lương Sơn và các cán bộ khuyến nông của xã.

Số liệu được xử lý theo phương pháp thống kê mô tả với sự trợ giúp của chương trình Excel và được phân tích theo phương pháp so sánh. Để so sánh mức độ tham gia quyết định của nữ giới và nam giới, chia nhóm người tham gia quyết định thành 4 nhóm: nhóm thứ 1: Người

---

<sup>1</sup> Khoa Kinh tế & PTNT, Trường ĐHNHI

quyết định là nam giới, nhóm này gồm chồng, con trai và con rể; nhóm thứ 2: Người quyết định là nữ giới bao gồm vợ, con gái, con dâu; nhóm thứ 3: Người tham gia quyết định gồm cả hai vợ chồng cùng bàn bạc quyết định; nhóm thứ 4: Người tham gia quyết định gồm những người khác (bố, mẹ, cả nhà)

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Giới trong quyết định sản xuất

Trong sản xuất nông nghiệp, các vấn đề cần quyết định trong sản xuất ngành trồng trọt bao gồm quyết định thời gian gieo trồng, giống, công thức luân canh, sử dụng loại và lượng phân bón, thuốc trừ sâu, thời gian thu hoạch, thời gian bán sản phẩm. Quyết định trong chăn nuôi bao gồm chọn giống gia súc, nơi mua giống, chọn thức ăn cho chăn nuôi, chọn cách cho ăn, chọn thú y viên khi chữa bệnh cho gia súc, chọn thời điểm bán sản phẩm và nơi bán. Quyết định sản xuất ngành nghề và dịch vụ bao gồm định sản xuất ngành nghề gì, dịch vụ loại gì, buôn bán hàng gì, liên kết với ai trong sản xuất kinh doanh.

Kết quả nghiên cứu ở Lương Sơn cho thấy phụ nữ quyết định 42,99% các vấn đề liên quan đến sản xuất ngành trồng trọt và 52,14% ngành chăn nuôi, còn nam giới quyết định tương ứng là 32,93% và 31,07%, tỉ lệ còn lại do hai vợ chồng và bố mẹ quyết định (bảng 1). Nếu so sánh giữa hai ngành sản xuất truyền thống trồng trọt và chăn nuôi thì trong ngành chăn nuôi, nữ quyết định nhiều hơn nam.

**Bảng 1. Mức độ tham gia quyết định sản xuất của nam và nữ (%)**

Diễn giải	Trồng trọt	Chăn nuôi	Ngành nghề
Nam	32,93	31,07	23,61
Nữ	42,99	52,14	34,72
Cả hai vợ chồng	23,48	16,79	41,67
Những người khác	0,61	0,00	0,00
Tổng số	100,00	100,00	100,00

*Nguồn: số liệu điều tra năm 2004*

Các ngành nghề buôn bán dịch vụ chính hiện nay ở hai xã là mây tre đan, đồ gỗ, buôn bán hàng khô, bán giải khát. Đối với phát triển các ngành nghề nói chung, mức độ tham gia quyết định của nữ giới vẫn cao hơn so với nam giới, nhưng khác với hai ngành trên là tỉ lệ cả hai vợ chồng tham gia quyết định chiếm cao nhất (41,67%), trong khi đó nam giới đưa ra quyết định riêng chiếm tỷ lệ 23,61% và nữ giới riêng nữ quyết chỉ là 34,72%. So sánh giữa Tân Vinh và Đông Xuân thì nữ giới ở Đông Xuân tham gia quyết định phát triển ngành nghề nhiều hơn nữ giới của xã Tân Vinh.

#### 3.2. Giới trong quyết định vay vốn

Frank (1998) cho rằng: Tham gia quyết định vay vốn thể hiện vai trò làm chủ của người phụ nữ trong gia đình. Mức độ tham gia của nữ giới trong vấn đề này phản ánh mức độ phụ thuộc kinh tế của họ vào nam giới nhiều hay ít và sự tiếp cận với các yếu tố sản xuất.

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong quyết định vay vốn, nữ quyết định nhiều hơn nam giới, nữ quyết định 46,34%, còn nam chỉ quyết định 40,24% (bảng 2). Tuy nhiên quyết định vay các khoản tiền lớn thường do nam giới quyết định (nam 48,78% và nữ 34,41%), còn các khoản vay nhỏ thì do nữ giới quyết định (nam 31,70% và nữ quyết định 58,53%), và cả hai xã Tân Vinh và Đông Xuân đều phản ánh cùng xu hướng này.

#### 3.3. Giới trong quyết định các công việc lớn của gia đình

Các công việc lớn cần quyết định trong gia đình bao gồm làm nhà, sửa nhà, mua bán tài sản phục vụ sản xuất và sinh hoạt, cưới hỏi cho con, xây mồ mã, đi nhà thờ, thì nam giới tham gia quyết định nhiều hơn, với tỉ lệ 42,93%, còn nữ giới chỉ quyết 20,00%. Trong quyết định các vấn đề lớn của gia đình thì hai vợ chồng cùng tham gia bàn bạc và quyết định là chủ yếu, cả hai vợ chồng quyết chiếm tỉ lệ tới 32,68%. Đặc biệt đối với các vấn đề lớn của gia đình còn có sự tham gia quyết định của bố mẹ và các thành viên khác trong gia đình với tỉ lệ tham gia 4,39% (bảng 2). Tuy nhiên, trong các công việc lớn như làm và sửa nhà, mua sắm tài sản phục vụ sản xuất thì nam giới có vai trò quyết định hơn nữ giới, ở xã Tân Vinh và Đông Xuân đều phản ánh cùng xu hướng trên.

**Bảng 2. Mức độ tham gia quyết định vay vốn, các việc lớn, sử dụng tiền, nắm giữ các tài sản lớn của nữ giới và nam giới trong gia đình (%)**

Diễn giải	Vay vốn	Quyết định các việc lớn	Sử dụng tiền	Nắm giữ các tài sản lớn
Nam	40,24	42,93	20,21	53,45
Nữ	46,34	20,00	54,36	37,93
Cả hai vợ chồng	10,98	32,68	24,74	8,62
Người khác	2,44	4,39	0,70	0,00
Tổng số	100,00	100,00	100,00	100,00

*Nguồn: số liệu điều tra năm 2004*

### 3. 4. Giới trong quyết định sử dụng tiền

Cân bằng giới trong quyết định sử dụng tiền thể hiện sự bình đẳng giữa nam và nữ trong kiểm soát các lợi ích (thu nhập), trong các quyền bình đẳng của nữ thì quyền kiểm soát là quyền cao nhất (UNDP, 2001). Tiền của gia đình thường được sử dụng vào các mục đích mua thức ăn, quần áo, chi cho học hành, cho người thân, đóng góp xã hội, gửi tiết kiệm và cho vay. Về quyết định sử dụng tiền thì nữ giới quyết là chủ yếu 54,36%, nam giới chỉ quyết 20,21% (bảng 2), tỉ lệ cả hai vợ chồng cùng tham gia quyết định chiếm tới 24,7%, cao hơn tỉ lệ nam giới quyết. Cả hai xã Tân Vinh và Đông Xuân đều có cùng xu hướng như trên.

### 3.5. Giới với vấn đề nắm giữ các tài sản lớn

Nắm giữ các tài sản lớn cũng thể hiện bình đẳng giới trong kiểm soát các nguồn lợi. Nắm giữ các tài sản lớn bao gồm giữ tiền, sổ đất, đăng ký xe. Kết quả khảo sát cho thấy nam giới có vai trò quyết định trong vấn đề này, nam giới nắm giữ là 53,45% các tài sản lớn, nữ giới nắm giữ là 37,93%. Nếu nghiên cứu riêng từng vấn đề thì nữ giới là người nắm giữ tiền trong gia đình với 56,09%, còn đối với các tài sản liên quan đến quan hệ với bên ngoài, liên quan đến pháp luật như sổ đất và đăng ký xe thì thường thường nam giới là người nắm giữ với 53,45% (bảng 2).

## 4. THẢO LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu như đã trình bày ở phần 3 trên đây, một số vấn đề sau đây được đưa ra thảo luận:

*Thứ nhất:* Quyết định các vấn đề thuộc sản xuất của ngành trồng trọt thì nữ giới quyết định nhiều hơn nam giới, nhưng tỉ lệ cả 2 vợ chồng cùng quyết chiếm tới 23,48%. Điều này có thể do ngành trồng trọt là ngành chịu nhiều rủi ro nhưng là ngành chủ yếu mang lại thu nhập cho hộ, vì vậy sản xuất cái gì, bao nhiêu và như thế nào là cần có sự tham gia của cả hai vợ chồng. Nữ giới quyết định nhiều hơn nam giới ở ngành trồng trọt phản ánh tình trạng nữ phải gánh vác trách nhiệm và tham gia công việc đồng áng nhiều hơn nam giới. Trong điều kiện nữ ít được tiếp cận với khuyến nông (ít được tham gia các lớp tập huấn, ít được tiếp cận với kỹ thuật mới, giống mới, phân bón, thuốc trừ sâu mới và thông tin nông nghiệp) mà họ phải quyết định nhiều hơn nam giới thì đó là một khó khăn lớn đối với họ.

*Thứ hai:* Quyết định các vấn đề sản xuất của ngành chăn nuôi thì vai trò của nữ nổi bật lên rõ rệt, họ quyết 52%. Điều này cho thấy các hoạt động sản xuất xung quanh gia đình (chăn nuôi, làm vườn) nữ là người tham gia nhiều hơn nam, điều này thể hiện đúng với truyền thống của gia đình nông thôn Việt nam là nữ chăm lo công việc gia đình, lợn, gà.

*Thứ ba:* Đối với quyết định phát triển ngành nghề, buôn bán và dịch vụ, thì đây là ngành cần vốn lớn, kỹ thuật cao và hiểu biết về kinh doanh, vì vậy quyết định phát triển ngành nghề cần tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng do đó cần có sự tham gia bàn bạc quyết định của cả hai vợ chồng, vì vậy tỉ lệ cả hai vợ chồng cùng quyết định chiếm tương đối cao.

*Thứ tư:* Với mức độ tham gia quyết định sản xuất khá cao như vậy cần thiết phải nâng cao khả năng quyết định của nữ giới; khuyến nông cần tăng tỉ lệ nữ tham gia các lớp tập huấn, cần có các lớp tập huấn kỹ thuật và quản lý kinh tế dành riêng cho nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo.

*Thứ năm:* Mức độ tham gia quyết định sản xuất của phụ nữ tùy thuộc vào đặc điểm của từng ngành sản xuất. Quyết định sản xuất ngành trồng trọt và chăn nuôi, là các ngành sản xuất truyền thống, thì nữ giới quyết là chính. Như vậy nữ giới có vai trò quan trọng trong phát triển các ngành trồng trọt và chăn nuôi, họ là người chủ yếu quyết định các vấn đề liên quan đến sản xuất và trực tiếp tham gia các hoạt động sản xuất vì vậy khuyến nông cần chú ý tăng tỉ lệ nữ tham gia tập huấn để bồi dưỡng và nâng cao hiểu biết về kỹ thuật và kỹ năng vận dụng vào sản xuất kinh doanh cho nữ giới.

*Thứ sáu:* Trong vấn đề quyết định vay vốn, nữ đã được tiếp cận với nguồn lực vốn, nhưng chủ yếu là tiếp cận với nguồn vay nhỏ. Điều này có thể là các hộ vay mượn chủ yếu là vay các khoản nhỏ để trang trải chi tiêu của gia đình, còn vay các khoản lớn từ ngân hàng phục vụ cho mục đích sản xuất thì rất hạn chế. Nữ giới chưa tiếp cận được với tín dụng nhà nước có thể do thiếu hiểu biết về các qui định/ thủ tục vay ngân hàng.

Với thực trạng như vậy, bên cạnh tập huấn kỹ thuật, khuyến nông nên tổ chức cả các lớp tập huấn về quản lý tài chính có chú ý đến giới để tăng khả năng tiếp cận với tín dụng chính thống cho nữ giới.

## 5. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Phụ nữ huyện Lương Sơn đã tham gia nhiều trong quyết định các vấn đề sản xuất và đời sống, điều đó cho thấy họ phải gánh vác nhiều công việc đồng áng và trách nhiệm trong gia đình

Phụ nữ huyện Lương Sơn là người chủ yếu quyết định sản xuất ngành trồng trọt và chăn nuôi, nắm giữ tiền và quyết định chi tiêu trong gia đình, vì vậy họ có vai trò rất lớn trong việc tạo thu nhập và phát triển kinh tế hộ nói chung.

Để nâng cao năng lực quyết định của nữ giới và đẩy mạnh phát triển kinh tế nông hộ, bên cạnh chú ý bồi dưỡng kiến thức kỹ thuật còn phải chú ý bồi dưỡng kiến thức kinh tế và quản lý cho nữ giới thông qua các chương trình khuyến nông là rất cần thiết ở Lương Sơn cũng như các huyện miền núi nói chung.

### Tài liệu tham khảo

Lê Thị Vinh Thi (1998). *Chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội. Tr. 13

Frank Ellis (1998). *Peasant Economics*. Cambridge University Press. Tr. 171.

UNDP (2001). *Learning and Information Pack. Resource 7a Summary of Women's Equality and Empowerment (Longwe) Framework page 56; and Resource 9c page 71 (in Gender analysis, January 2001).*

